

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KỲ II MÔN SỬ-ĐỊA 6

A. PHÂN MÔN SỬ

I. TRẮC NGHIỆM:

Câu 1: Lãnh thổ Hi Lạp cổ đại chủ yếu nằm ở phía nam bán đảo

A. I-ta-li-a

C. Trung Ấn.

B. Ban-căng.

D. Đông Dương.

Câu 2: Hi Lạp có lợi thế lớn là đường bờ biển dài, có hàng ngàn đảo nhỏ thuận tiện cho sự phát triển của ngành kinh tế nào dưới đây?

A. Giao thương, buôn bán.

C. Công nghiệp.

B. Nông nghiệp.

D. Thủ công nghiệp.

Câu 3: Một trong những công trình kiến trúc nổi tiếng của Hi Lạp cổ đại là

A. Đấu trường Cô-lô-sê.

C. Đền Pác-tê-nông.

B. Vườn treo Ba-bi-lon.

D. Vạn Lí trường thành.

Câu 4: Bán đảo I-ta-li-a thuận lợi cho sự phát triển của ngành kinh tế nào sau đây?

A. Chăn nuôi.

C. Giao thương và hàng hải.

B. Trồng trọt.

D. Phát triển công nghiệp.

Câu 5: Điểm giống nhau về điều kiện tự nhiên của Hy Lạp và La Mã cổ đại?

A. Có đường bờ biển dài.

B. Nhiều đồng bằng màu mỡ.

C. Có các dòng sông lớn, như: Nin, Ấn..

D. Phần lớn lãnh thổ là sa mạc.

Câu 6: Một trong những công trình kiến trúc tiêu biểu của La Mã cổ đại là

A. Kim tự tháp.

C. Quảng trường Rô-ma.

B. Đền Pác-tê-nông.

D. Vườn treo Ba-bi-lon.

II. TỰ LUẬN:

Câu 1: Dựa vào sơ đồ 14.2 trang 74. Em hãy trình bày về bộ máy tổ chức của nhà nước Văn Lang ?

- Đứng đầu nhà nước là Vua Hùng (giúp việc cho vua có các lạc hầu).
- Cả nước được chia làm 15 bộ, do Lạc tướng đứng đầu.
- Dưới bộ là các chiềng, chạ do Bô chính (già làng) đứng đầu.

*** Nhận xét:** Tổ chức nhà nước Văn Lang còn đơn giản, chưa có quân đội, chưa có pháp luật nhưng bước đầu đã có hệ thống.

2. Hoàn thành bảng thống kê các nội dung dưới đây về nhà nước Văn Lang và Âu Lạc:

Nội dung	Nước Văn Lang	Nước Âu Lạc
Thời gian ra đời	- Vào khoảng thế kỉ VII TCN.	- Sau khi đánh thắng lợi quân Tần, năm 208 TCN.
Đứng đầu nhà nước	- Hùng Vương.	- An Dương Vương.
Kinh đô	- Phong Châu (Việt Trì, Phú Thọ) ngày nay.	- Phong Khê (Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội).

B. PHÂN MÔN ĐỊA

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Nước biển và đại dương có mấy sự vận động?

- A. 5. C. 2.
B. 3. D. 4.

Câu 2: Dao động thủy triều lớn nhất vào các ngày nào sau đây?

- A. Trăng tròn và không trăng.
B. Trăng khuyết và không trăng.
C. Trăng tròn và trăng khuyết.
D. Trăng khuyết đầu, cuối tháng.

Câu 3: Hình thức dao động tại chỗ của nước biển và đại dương gọi là

- A. Sóng biển. C. Thủy triều.
B. Dòng biển. D. Triều cường.

Câu 4: Nguyên nhân chủ yếu gây ra sóng thần là do

- A. Bão, lốc xoáy trên các đại dương.
B. Chuyển động của dòng khí xoáy.
C. Sự thay đổi áp suất của khí quyển.
D. Động đất ngầm dưới đáy biển.

Câu 5: Nguyên nhân chủ yếu sinh ra sóng là do

- A. Gió C. Thủy triều.
B. Núi lửa. D. Động đất.

Câu 6: Tác động của thủy triều đối với người dân ven biển là gì?

- A. Người dân có thể khai thác thủy sản theo sự lên xuống của thủy triều
- B. Thủy triều khiến lũ thoát chậm, gây ngập úng
- C. Thau chua rửa mặn, xổ phèn cho đất
- D. Cả A, B, C**

Câu 7: Dòng biển được hình thành chủ yếu do

- A. Núi lửa phun, động đất ngầm dưới đáy biển.
- B. Các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất.**
- C. Sự thay đổi áp suất của khí quyển.
- D. Các thiên thể chuyển động xung quanh Trái Đất.

Câu 8: Quan sát hình 18.1 SGK trang 173, cho biết trên Trái Đất có các đại dương nào?

- A. Thái Bình Dương, Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương và Bắc Băng Dương.**
- B. Thái Bình Dương, Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương.
- C. Thái Bình Dương, Đại Tây Dương, Bắc Băng Dương.
- D. Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương và Bắc Băng Dương.

II. TỰ LUẬN:

Câu 1: Nêu khái niệm và nguyên nhân hình thành thủy triều?

- Thủy triều là hiện tượng nước biển có lúc dâng lên, lấn sâu vào đất liền, có lúc rút xuống, lùi ra xa.

- Nguyên nhân: Do sức hút của Mặt Trăng và một phần của Mặt Trời.

Câu 2: Sóng là gì? Nguyên nhân sinh ra sóng?

- Khái niệm: Là sự dao động tại chỗ của nước biển và đại dương.

- Nguyên nhân: Chủ yếu do gió, động đất ngầm dưới đáy biển sinh ra sóng thần.

Câu 3: cho bảng số liệu sau:

Bảng 19.1. Diện tích và tỉ lệ diện tích của các đại dương thế giới

Các đại dương	Thái Bình Dương	Ấn Độ Dương	Đại Tây Dương	Bắc Băng Dương	Đại dương thế giới
Diện tích (triệu km ²)	178,7	76,2	91,6	14,8	361,3
Tỉ lệ so với đại dương thế giới (%)	49,5	21,0	25,4	4,1	100,0

Dựa vào bảng 19.1. Diện tích và tỉ lệ diện tích của các đại dương thế giới. Em hãy trả lời các câu hỏi sau:

- a. Em hãy sắp xếp diện tích các các đại dương theo thứ tự từ bé đến lớn?
- b. Đại dương nào có diện tích lớn nhất?
- c. Đại dương nào có diện tích nhỏ nhất?

Hết